

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC SỬ DỤNG CÁC NGUỒN THÔNG TIN GIÁO DỤC HIỆN NAY

TS. Vương Thanh Hương
Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục

Giới thiệu đặc điểm bốn loại nguồn thông tin giáo dục: thống kê, khoa học, tư liệu, các dạng khác. Nêu nhận xét về ưu và nhược điểm của các loại nguồn thông tin giáo dục và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn thông tin giáo dục hiện nay.

1. Mở đầu

Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) trong mấy thập niên gần đây được phát triển nhanh chóng với nhiều loại hình trường lớp và các cấp bậc học khiến cho công tác quản lý giáo dục trở nên phức tạp hơn. Thông tin giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng đường lối, chính sách, lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động giáo dục có hiệu quả. Những cụm từ “hệ thống thông tin quản lý giáo dục”, “nguồn thông tin giáo dục”... được thảo luận nhiều hơn trong các hội thảo, báo cáo chuyên môn, công trình nghiên cứu về GD&ĐT. Tuy nhiên, để thông tin giáo dục thực sự trở thành “nguồn lực” có giá trị phụ thuộc vào nhiều

yếu tố, như: nhận thức của người quản lý, cơ sở hạ tầng, trình độ chuyên môn của cán bộ...

2. Các nguồn thông tin giáo dục

Nguồn thông tin giáo dục hiện nay rất đa dạng, có thể chia thành các nguồn chính sau: thống kê; khoa học; thông tin tư liệu; các dạng khác.

2.1. Nguồn thông tin thống kê giáo dục

Thông tin thống kê giáo dục hiện nay được thu thập theo 2 kênh chính sau:

- Hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Bộ GD&ĐT với các luồng thông tin từ trên xuống và từ dưới cơ sở báo cáo lên các cấp cao hơn. Cơ chế thu thập theo trình tự: Bộ

GD&ĐT xây dựng hệ thống biểu mẫu thống nhất gửi xuống các Sở giáo dục. Sở giáo dục gửi xuống các trường trực thuộc, các trường trung học phổ thông và Phòng giáo dục. Phòng lại gửi tới các trường trực thuộc tại địa phương bao gồm các trường tiểu học, trung học cơ sở và mầm non. Những biểu mẫu sau khi đã được điền đủ thông tin sẽ được gửi tới các cơ quan quản lý trực thuộc. Các số liệu thu thập được sắp xếp, xử lý và xây dựng thành các CSDL lưu trữ tại các cơ quan quản lý giáo dục. Các số liệu này cũng được xử lý và xuất bản thành niên giám thống kê giáo dục hàng năm theo các cấp, bậc học.

- Hệ thống thu thập và xử

lý thông tin thống kê từ cấp trung ương tới tận các xã, làng/bản của Tổng cục Thống kê. Tổng cục Thống kê xuất bản cuốn niên giám thống kê hàng năm, trong đó cũng bao gồm một số số liệu về giáo dục được thu thập theo hệ thống cơ quan quản lý ngành dọc của họ từ xã lên phòng thống kê huyện, sau đó được gửi đến cơ quan thống kê tỉnh và các số liệu đó lại được tổng hợp và gửi về Tổng cục Thống kê. Các số liệu này được thu thập và báo cáo có sự phối kết hợp với các trường ở địa phương và các phòng giáo dục để bảo đảm tính thống nhất của các số liệu về giáo dục.

2.2. Thông tin khoa học giáo dục

Các viện nghiên cứu khoa học giáo dục có nhiệm vụ báo cáo các kết quả nghiên cứu của các đề tài cho lãnh đạo các cấp trực tiếp giao nhiệm vụ, thu thập, xử lý và công bố các thông tin có giá trị trên các phương tiện như tạp chí, ấn phẩm thông tin khoa học, thông tin lãnh đạo, thông tin chuyên đề phục vụ các cán bộ quản lý trong cơ quan Bộ, cho các cơ sở và

các trường. Thông thường, ở các viện nghiên cứu đều có tổ chức thông tin khoa học được gọi là trung tâm thông tin giáo dục hoặc trung tâm thông tin-thư viện. Thư viện tại các trung tâm này là nơi lưu trữ các sản phẩm thông tin dưới dạng các ấn phẩm, các báo cáo phân tích, kỷ yếu hội nghị, hội thảo và các đề tài/công trình nghiên cứu như:

- Các đề tài nghiên cứu và triển khai về các lĩnh vực khoa học giáo dục, bao gồm cả các công trình nghiên cứu cơ bản và ứng dụng góp phần thúc đẩy tiến bộ khoa học giáo dục nói riêng và khoa học xã hội và nhân văn nói chung;

- Những báo cáo khoa học, báo cáo khảo sát, tài liệu hội nghị trong nước và quốc tế về các vấn đề GD&ĐT, trong đó có các thông tin đánh giá tình hình, xu thế phát triển, những yếu tố tác động tới sự phát triển GD&ĐT, phương pháp và biện pháp giải quyết vấn đề phát sinh trong ngành GD&ĐT và vấn đề có liên quan;

- Thông tin về chủ trương, chính sách, chiến

lược phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ, về GD&ĐT của các nước trên thế giới và khu vực, kinh nghiệm thành công và thất bại trong việc giải quyết các vấn đề...

- Những công trình khoa học có giá trị trong lĩnh vực GD&ĐT được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Những nội dung thông tin giáo dục trong các ấn phẩm này có thể phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp các khâu cơ bản của quá trình quản lý như: Nhận định hiện trạng, dự báo xu thế, xác định các vấn đề cần giải quyết, xác định mục tiêu chính sách, chiến lược, xây dựng kế hoạch, chương trình và dự án hành động và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình và dự án đã được phê duyệt. Ngoài các sản phẩm thông tin do trung tâm thông tin chịu trách nhiệm xử lý và công bố, trong các cơ quan nghiên cứu, sự nghiệp còn có các bộ phận chức năng như phòng quản lý khoa học và văn phòng- là nơi giúp lãnh đạo thu thập và xử lý thông tin, viết báo cáo tổng kết đánh giá về tổ

chức thực hiện các đề tài nghiên cứu để báo cáo lên cấp trên và thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài cho các cấp quản lý.

2.3. Thông tin tư liệu về giáo dục

Đó là những kho tài liệu cấp 1 và 2 được lưu trữ tại thư viện của các trường đại học, các viện nghiên cứu giáo dục. Tại đây, bạn đọc có thể tìm kiếm và tiếp cận với một kho tàng tri thức về giáo dục, khoa học giáo dục và các khoa học liên ngành phong phú của nhiều tác giả và các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Với sự phát triển của CNTT và viễn thông, nhiều thư viện của các trường đại học lớn, như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng... đã xây dựng và vận hành thư viện điện tử, nhờ đó, bạn đọc được tiếp xúc và sử dụng nguồn tin điện tử bao gồm các loại tài liệu, như: sách, báo, tạp chí, các trang web, các CSDL,.... Cũng nhờ thư viện điện tử hoá này, bạn đọc được sử dụng thư viện trực tuyến rất tiện ích để tiếp cận được với nhiều nguồn tư liệu về giáo dục tiên tiến trên thế giới.

2.4. Dữ liệu và thông tin giáo dục thu thập từ các nguồn khác

Nguồn thông tin được thu thập và xử lý từ các phương tiện thông tin đại chúng và qua dư luận về hoạt động giáo dục và đào tạo

Để đảm bảo cho hoạt động GD&ĐT đáp ứng nhu cầu thực tế cuộc sống xã hội, cần theo dõi, thu thập và xử lý kịp thời các thông tin phát sinh trong đời sống xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: đó là những thông tin phản ánh dư luận, đánh giá và nhận xét tốt xấu về giáo dục và đào tạo ở đơn vị, địa phương, về một khía cạnh hay nhiều khía cạnh, về các chủ trương chính sách hay việc thực hiện các chủ trương chính sách...

Ở các cơ quan quản lý giáo dục, thường có cán bộ chuyên trách hay một đơn vị chuyên thu thập và xử lý thường xuyên các thông tin này phục vụ lãnh đạo dưới dạng báo cáo nhanh trực tiếp bằng lời hay bằng văn bản. Cũng có nơi có hẳn một bộ phận chuyên theo dõi thu thập và xử lý sau đó biên soạn thành bản tin tóm

tắt, in và phát hành tới tay nhiều người. Thí dụ “Bản tin Giáo dục và Đào tạo”, “Thông tin thời sự về giáo dục và đào tạo” ra định kỳ do Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục và Viện Khoa học Giáo dục thực hiện (nay là Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục) đã bao quát toàn bộ các tin tức về giáo dục trong nước và quốc tế được đăng tải trên các báo tuần, báo ngày và tạp chí, đã phát hành tới tay lãnh đạo Bộ GD&ĐT, các Vụ chức năng, các Sở, một số Phòng GD&ĐT và các đơn vị cơ sở... .

Nguồn thông tin giáo dục được thu thập và xử lý thông qua hội nghị, hội thảo, báo cáo công tác, điều tra, khảo sát thực tế trong và ngoài nước

Việc thu thập và xử lý thông tin loại này thường được các cơ quan chức năng như các viện nghiên cứu, các đơn vị sự nghiệp tiến hành. Các thông tin này thường được sử dụng ngay trong quá trình quản lý, tìm chọn những căn cứ khoa học cho việc ra quyết định về một vấn đề hay về chủ trương chính sách nào đó,

hoặc trong việc lập kế hoạch phát triển ngành. Sau mỗi đợt khảo sát, thủ trưởng đơn vị thường trực tiếp giao nhiệm vụ ngay cho nhóm khảo sát phân tích số liệu và viết báo cáo. Thí dụ, sau đợt khảo sát thực tế hay đợt thanh tra tại một đơn vị hay một địa phương nào đó, những người tham gia đều phải viết báo cáo đầy đủ nội dung và kết quả mà mình đã thực hiện để báo cáo lên lãnh đạo.

Thông tin về giáo dục thu được thông qua các chương trình/dự án của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước

Trong mấy năm gần đây công tác thu thập và xử lý thông tin giáo dục của các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ trên cơ sở điều tra cơ bản trong phạm vi các dự án đã làm cho kho thông tin giáo dục phong phú lên rất nhiều. Nhiều dự án với kinh phí được tài trợ và áp dụng các phương pháp thu thập số liệu tin cậy đã tiến hành những khảo sát công phu đánh giá hiện trạng giáo dục, chất lượng giáo dục ở

từng cấp, bậc học hoặc hoạt động giáo dục, ví dụ, khảo sát tài chính giáo dục đại học thuộc dự án giáo dục đại học các năm 1999, 2001; dự án phát triển giáo viên tiểu học... Các số liệu thu được không những phục vụ cho các hoạt động của dự án mà còn cung cấp thông tin có ích và sát thực cho nhiều cán bộ nghiên cứu và các đối tượng có quan tâm khác.

Các nguồn thông tin có liên quan

Phát triển giáo dục không thể tách rời khỏi sự phát triển kinh tế-xã hội. Do vậy, để phân tích hoạt động giáo dục ở bất kỳ địa phương nào cũng cần có các số liệu có liên quan, như: Số liệu về dân số, thu nhập bình quân của các hộ gia đình, tỉ lệ sinh đẻ, xu hướng tăng, giảm dân số, GDP trên đầu người, tỉ lệ tăng trưởng kinh tế... và nhiều chỉ số liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội khác. Những số liệu này có thể tìm thấy ở các nguồn thông tin, như: Khảo sát hộ gia đình, điều tra dân số, niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam ...

3. Ưu và nhược điểm của các nguồn thông tin giáo dục

Mỗi nguồn dữ liệu đều có những ưu và nhược điểm, đòi hỏi cần kết hợp sử dụng nhiều nguồn dữ liệu trong nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục, cũng như việc xây dựng định hướng phát triển các nguồn thông tin này.

3.1. Nguồn thông tin thống kê giáo dục

Nguồn thông tin này được thu thập định kỳ thông qua hệ thống thông tin quản lý giáo dục hiện có ở các cấp quản lý. Các số liệu, thông tin được xuất bản dưới dạng niên giám thống kê giáo dục với một số hạng mục và các chỉ số nhất định. Việc thu thập và báo cáo dữ liệu mang tính pháp lệnh đối với các cơ sở quản lý giáo dục. Đây là nguồn thông tin được sử dụng nhiều nhất. Nhược điểm của nguồn dữ liệu thống kê giáo dục là dữ liệu không được kiểm chứng và kiểm tra về chất lượng; Quy trình tổng hợp số liệu hiện tại thường làm mất thông tin ở cấp cơ sở mà chỉ lưu thông tin ở cấp tỉnh và trung ương. Điều này có nghĩa là, thông

tin, số liệu được thu thập chỉ nhằm mục đích báo cáo chứ chưa được sử dụng có hiệu quả để ra quyết định giáo dục ở cấp cơ sở.

3.2. Nguồn thông tin khoa học giáo dục

Nguồn thông tin khoa học, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục, bên cạnh việc cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho các nhà nghiên cứu, quản lý giáo dục và những độc giả quan tâm, chúng còn được đánh giá là hiệu quả sử dụng và áp dụng trong thực tế chưa cao, không có mối liên hệ chặt chẽ với quá trình xây dựng chính sách giáo dục. Những lãng phí và hiệu quả sử dụng thấp của các công trình nghiên cứu khoa học này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có thể kể đến:

- Cơ chế tuyển chọn đề tài còn mang nặng tính bình quân, chưa chú trọng vào các yêu cầu cấp thiết của ngành;

- Trình độ đội ngũ cán bộ làm nghiên cứu khoa học chưa cao;

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học giáo dục chưa được phổ biến, tuyên truyền và chuyển tải đến đúng các

địa chỉ sử dụng;

- Cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá nghiệm thu đề tài chưa hiệu quả và khách quan;

- Các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục chưa bám sát thực tế.

3.3. Nguồn thông tin tư liệu về giáo dục

Nguồn thông tin tư liệu về giáo dục được đánh giá là kho tri thức về khoa học giáo dục và các khoa học có liên quan. Bên cạnh các tư liệu cấp 1 và 2, hiện nay nguồn thông tin điện tử đã và đang là lựa chọn tối ưu cho nhiều thư viện để phục vụ có hiệu quả đa dạng các đối tượng dùng tin khác nhau. Tuy nhiên, đối với nguồn tin điện tử được lưu trữ và khai thác tại các thư viện lớn hiện nay, bên cạnh những ưu điểm nổi trội là truy cập nhanh chóng còn có những hạn chế, có thể kể đến:

- Tính an toàn của thông tin dễ bị vi phạm do việc sao chép thông tin từ các tài liệu điện tử rất dễ dàng, nhanh chóng;

- Thông tin trên mạng cũng dễ bị làm sai lệch thậm chí bị huỷ hoại do những vi phạm vô tình hay

cố ý của người sử dụng;

- Tính ổn định của thông tin trong nguồn tin điện tử không đồng nhất, có tài liệu tồn tại lâu dài như các tài liệu ghi trên CD-ROM, DVD-ROM nhưng cũng có tài liệu có đời sống rất ngắn như một số bài báo đăng tải trên Internet;

- Chi phí giá cả của tài liệu điện tử có xu hướng tăng lên do nhiều nguyên nhân như lạm phát, tăng thêm số trang, chi phí vật liệu tăng lên..., điều này gây cản trở cho những thư viện qui mô vừa và nhỏ khó có thể đáp ứng đủ kinh phí để mua tài liệu, bảo quản và khai thác.

3.4. Các dạng thông tin, dữ liệu khác

Các dạng thông tin, dữ liệu khác, như: các báo cáo khảo sát chuyên đề, điều tra điểm, báo cáo và nghiên cứu về giáo dục của các dự án... có những ưu điểm như cho phép thu thập thông tin chuyên sâu về từng vấn đề, cung cấp được những thông tin có phân tích chi tiết, cung cấp dữ liệu về các nhu cầu cụ thể trong ngành giáo dục... Nhược điểm của các nguồn thông tin này là việc thu thập thông tin không

được thường xuyên, phạm vi điều tra thường hẹp, chi phí điều tra, thu thập số liệu thường cao...

Đối với các nguồn thông tin có liên quan, như: khảo sát hộ gia đình cung cấp dữ liệu có thể được phân tách theo nhóm kinh tế-xã hội; cung cấp dữ liệu đánh giá về chất lượng của dịch vụ giáo dục thông qua phiếu hỏi người hưởng thụ và cho phép phân tích phân bổ lợi ích của chi tiêu công. Nhược điểm của nguồn dữ liệu này là không đánh giá được kết quả học tập và trình độ giáo viên, không thu thập hệ thống dữ liệu về hiệu quả hoạt động trong nội bộ ngành giáo dục. Nguồn dữ liệu thông qua điều tra dân số cung cấp cho người dùng tin số liệu tin cậy về tỉ lệ đi học đối với bất kỳ cấp giáo dục nào và được kiểm tra nhất quán 10 năm/lần. Nguồn này

cũng đưa ra được những thông tin dự báo về dân số cần thiết để tính toán tỷ lệ đi học đúng độ tuổi. Hạn chế của nguồn dữ liệu này là việc thu thập các dữ liệu về giáo dục bị hạn chế về qui mô và mức độ do mục tiêu chủ yếu là điều tra dữ liệu dân số, sự phối hợp chưa tốt giữa Tổng cục Thống kê và Bộ GD&ĐT trong việc sử dụng dữ liệu điều tra cho ngành giáo dục...

1. Kết luận

Để tăng hiệu quả sử dụng của các nguồn thông tin giáo dục hiện nay cần phải xây dựng các CSDL tích hợp trên cơ sở phân cấp, tiện ích và linh hoạt. Việc làm này sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí về nhân lực, vật lực và tăng hiệu quả sử dụng. Các nguồn thông tin giáo dục được xây dựng phải hướng tới nhu cầu đa dạng của người dùng tin

khác nhau, như: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nghiên cứu giáo dục và các lĩnh vực có liên quan, sinh viên, nghiên cứu sinh và người dùng tin tập thể (các cơ quan quản lý giáo dục các cấp ở trung ương và địa phương). Thêm nữa, cần gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và quá trình ra quyết định giáo dục theo các cách: chú trọng tới truyền bá các sản phẩm nghiên cứu; liên kết nghiên cứu với các hoạt động ra quyết định giáo dục.

Tóm lại, để tăng cường sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thông tin giáo dục hiện nay cần có những nghiên cứu toàn diện về vấn đề này và có sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu giáo dục, nhà hoạch định chính sách và các nhà khoa học có liên quan, đặc biệt là các nhà quản trị, tổ chức hoạt động thông tin.

Tài liệu tham khảo

1. EFA monitoring and follow-up information system. UNESCO/PROAP, Bangkok 1993, 68 p.

2. Fernando Reimers, Noel McGinn and Kate Wild. Confronting future challenges: Educational information, research and decision making. UNESCO, Paris 1995, 129 p.

3. Nguyễn Viết Nghĩa. Tài liệu điện tử và giá cả tài liệu điện tử. Tạp chí Thông tin & Tư liệu, số 1 - 2003.

4. Vương Thanh Hương. Tăng cường sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong xây dựng chính sách giáo dục. Tạp chí Thông tin & Tư liệu, số 1 - 2003.

5. Vương Thanh Hương. Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin quản lý giáo dục phổ thông Việt Nam. Luận án Tiến sĩ giáo dục học, Viện CL và CTGD, 2003.